

Bộ, tỉnh: Tỉnh Khánh Hòa

Mẫu số 04b-CK/TSC

Cơ quan quản lý cấp trên: UBND Tỉnh Khánh Hòa

Cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng tài sản: Văn phòng Sở Y tế Tỉnh Khánh Hòa

Mã đơn vị: 1037399

Loại hình đơn vị: Khối quản lý nhà nước

## CÔNG KHAI TÌNH HÌNH SỬ DỤNG TÀI SẢN CÔNG TẠI CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ NĂM 2025

*DVT cho: Số lượng là: Cái, khuôn viên; Diện tích là: m2; Nguyên giá/Giá trị còn lại là: Nghìn đồng*

Stt	Danh mục tài sản	Số lượng	Diện tích	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Hiện trạng sử dụng				Ghi chú
						Đang sử dụng đúng mục đích	Đang sử dụng không đúng mục đích	Bỏ trống/ không sử dụng	Hỏng, không sử dụng được	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1	<b>Trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp</b>	<b>9</b>	<b>5.295</b>	<b>24.473.733</b>	<b>19.834.633</b>	<b>5.297</b>				
1.1	<i>Đất</i>	1	1.793	15.487.200	15.487.200	1.793				
1	Đất cơ quan	1	1.793	15.487.200	15.487.200	1.793				
1.2	<i>Nhà</i>	6	3.502	8.929.503	4.336.119	3.502				
1	Hội trường - Kho lưu trữ	1	234	2.505.969	1.670.479	234				
2	Nhà làm việc	1	2.052	2.164.555	1.067.053	2.052				
3	Nhà làm việc (Khối Phòng Hợp số 1)	1	424	1.880.635	758.395	424				
4	Nhà làm việc (Khối Thanh tra - NVD-BGD)	1	356	1.835.904	832.314	356				
5	Nhà làm việc (Khối Văn phòng - TCCB - HT)	1	428	509.586		428				
6	Phòng Bảo vệ	1	8	32.853	7.878	8				
1.3	<i>Vật kiến trúc, công trình xây dựng khác</i>	2		57.031	11.314	2				
1	Hàng rào	1		19.317		1				
2	Lam chắn	1		37.714	11.314	1				
2	<b>Xe ô tô</b>	<b>2</b>		<b>1.074.478</b>	<b>79.931</b>	<b>2</b>				
2.1	<i>Xe ô tô phục vụ công tác các chức danh</i>									
2.2	<i>Xe ô tô phục vụ công tác chung</i>	2		1.074.478	79.931	2				
1	TOYOTA 79A - 00564	1		473.038		1				

Stt	Danh mục tài sản	Số lượng	Diện tích	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Hiện trạng sử dụng				Ghi chú
						Đang sử dụng đúng mục đích	Đang sử dụng không đúng mục đích	Bỏ trống/ không sử dụng	Hỏng, không sử dụng được	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
2	TOYOTA 85A - 00128	1		601.440	79.931	1				
2.3	Xe ô tô chuyên dùng									
2.4	Xe ô tô phục vụ lễ tân nhà nước									
<b>3</b>	<b>Phương tiện vận tải khác (ngoài xe ô tô)</b>									
<b>4</b>	<b>Máy móc, thiết bị</b>	<b>163</b>		<b>3.568.998</b>	<b>488.580</b>	<b>163</b>				
4.1	Máy móc, thiết bị phục vụ chức danh	62		1.354.064	199.992	62				
1	Bàn gỗ dài oval có kính 02 dãy	1		27.500		1				
2	Bộ bàn ghế sofa	1		10.000	2.500	1				
3	Bộ bàn ghế tiếp khách	1		10.000	7.500	1				
4	Bộ máy vi tính để bàn FPT Elead	1		14.283	2.857	1				
5	Kệ hồ sơ gỗ	1		17.000		1				
6	Màn chiếu (NTB)	1		22.770		1				
7	Máy chiếu, màn chiếu (ntb)	1		84.800		1				
8	Máy điều hòa Alaska(MC)	1		12.051		1				
9	Máy điều hòa Misibisu	1		13.000		1				
10	Máy in Printer Brother HL-L6200DW	1		10.216		1				
11	Máy lạnh panasonic C12 JKH(ADB)(T5B SYT)	1		11.950		1				
12	Máy lạnh phòng Giám đốc	1		17.650	13.238	1				
13	Máy photo copy	1		46.558		1				
14	Máy photo KONICA MINOLTA BIZHUB 2015(ADB)(Văn thư)	1		62.000		1				
15	Máy photo(CGP)	1		50.309		1				
16	Máy photocopy Konica Minolta	1		78.800	37.430	1				
17	Máy photocopy phòng TCHC	1		87.780	52.668	1				
18	Máy photto phòng 1 cửa	1		38.344		1				

Stt	Danh mục tài sản	Số lượng	Diện tích	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Hiện trạng sử dụng				Ghi chú
						Đang sử dụng đúng mục đích	Đang sử dụng không đúng mục đích	Bỏ trống/ không sử dụng	Hỏng, không sử dụng được	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
19	Máy scan HP scanet Pro 3000 s2	1		11.500		1				
20	Máy scan HP scanet Pro 3000 s3	1		11.500		1				
21	Máy tính xách tay ASUS	1		14.850		1				
22	Máy tính xách tay ASUS	1		14.850		1				
23	Máy tính xách tay ASUS	1		14.578	2.916	1				
24	Máy tính xách tay ASUS	1		14.578	2.916	1				
25	Máy tính xách tay ASUS	1		14.578	2.916	1				
26	Máy tính xách tay FPT	1		14.280	8.568	1				
27	Máy vi tính CMS X-Media	1		11.990		1				
28	Máy vi tính để bàn	1		12.200		1				
29	Máy vi tính để bàn	1		12.025	7.215	1				
30	Máy vi tính để bàn	1		14.850		1				
31	Máy vi tính để bàn	1		15.000	3.000	1				
32	Máy vi tính để bàn	1		11.900	2.380	1				
33	Máy vi tính để bàn	1		12.390		1				
34	Máy vi tính để bàn	1		12.480		1				
35	Máy vi tính để bàn	1		10.901		1				
36	Máy vi tính để bàn	1		15.000		1				
37	Máy vi tính để bàn	1		11.550		1				
38	Máy vi tính để bàn	1		11.550		1				
39	Máy vi tính để bàn - VTB	1		10.350		1				
40	Máy vi tính để bàn - VTB	1		10.305		1				
41	Máy vi tính Elead-FPT	1		14.700		1				
42	Máy vi tính Elead-FPT	1		16.790		1				

Stt	Danh mục tài sản	Số lượng	Diện tích	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Hiện trạng sử dụng				Ghi chú
						Đang sử dụng đúng mục đích	Đang sử dụng không đúng mục đích	Bỏ trống/ không sử dụng	Hỏng, không sử dụng được	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
43	Máy vi tính FPT	1		14.350	11.480	1				
44	Máy vi tính FPT	1		14.350	11.480	1				
45	Máy vi tính FPT	1		13.830	5.532	1				
46	Máy vi tính FPT	1		13.830	8.298	1				
47	Máy vi tính HP	1		10.350		1				
48	Máy vi tính HP	1		11.990		1				
49	Máy vi tính Samsung	1		10.000		1				
50	Máy vi tính VTB	1		10.350		1				
51	Máy vi tính VTB	1		11.990		1				
52	Máy vi tính xách tay	1		13.750	5.500	1				
53	Máy vi tính xách tay ASUS	1		14.500	11.600	1				
54	Thiết bị Codec Aver EVC 130	1		136.820		1				
55	Tivi Panasonic 50 Inches	1		18.800		1				
56	Tủ đựng màn hình	1		13.500		1				
57	Tủ hồ sơ liên kết	1		19.200		1				
58	Tủ hồ sơ liên kết	1		19.200		1				
59	Tủ hồ sơ liên kết	1		19.200		1				
60	Tủ hồ sơ liên kết	1		19.500		1				
61	Tủ hồ sơ liên kết (TTSS)	1		19.250		1				
62	Tủ kệ hồ sơ gỗ	1		19.600		1				
4.2	<i>Máy móc, thiết bị phục vụ hoạt động chung</i>	96		1.826.942	239.363	96				
1	BỘ máy vi tính	1		11.420	4.568	1				
2	laptop	1		10.000		1				
3	Laptop	1		15.090		1				

Stt	Danh mục tài sản	Số lượng	Diện tích	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Hiện trạng sử dụng				Ghi chú
						Đang sử dụng đúng mục đích	Đang sử dụng không đúng mục đích	Bỏ trống/ không sử dụng	Hỏng, không sử dụng được	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
4	Laptop SVS	1		26.700		1				
5	Mạng 24-Port Switch CISCO	1		16.830	6.732	1				
6	Máy chiếu Panasonic	1		16.350		1				
7	Máy chiếu SONY(ADB)(Lâm)	1		28.750		1				
8	Máy chiếu SONY(ADB)(Nam)	1		32.000		1				
9	Máy chiếu Sony(WB)	1		46.200		1				
10	Máy chủ vi tính(máy chủ, màn hình, hệ ĐH,UPS)(ADB)	1		89.380		1				
11	Máy điều hòa Aikibi	1		12.582	1.573	1				
12	Máy điều hòa Aikibi	1		18.912		1				
13	Máy điều hòa Aikibi	1		18.912		1				
14	Máy điều hòa Aikibi	1		18.912		1				
15	Máy điều hòa Aikibi	1		18.912		1				
16	Máy điều hòa Aikibi	1		18.912		1				
17	Máy điều hòa Aikibi	1		18.915		1				
18	Máy điều hòa Aikibi	1		14.800		1				
19	Máy điều hòa đứng Nagakawa (ntb)	1		24.000		1				
20	Máy điều hòa đứng Nagakawa (ntb)	1		24.000		1				
21	Máy điều hòa LG	1		10.500		1				
22	Máy điều hòa LG	1		11.550	1.444	1				
23	Máy điều hòa Mitsubishi	1		12.000		1				
24	Máy điều hòa Nagakawa	1		12.000		1				
25	Máy điều hòa Nagakawa	1		12.000		1				
26	Máy điều hòa Nagakawa	1		12.000		1				
27	Máy điều hòa Nagakawa	1		12.000		1				

Stt	Danh mục tài sản	Số lượng	Diện tích	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Hiện trạng sử dụng				Ghi chú
						Đang sử dụng đúng mục đích	Đang sử dụng không đúng mục đích	Bỏ trống/ không sử dụng	Hỏng, không sử dụng được	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
28	Máy điều hòa National	1		12.000		1				
29	Máy điều hòa National	1		12.000		1				
30	Máy điều hòa National	1		12.000		1				
31	Máy điều hòa National	1		12.000		1				
32	Máy điều hòa National	1		12.000		1				
33	Máy điều hòa National	1		12.000		1				
34	Máy điều hòa Panasonic	1		12.000		1				
35	Máy điều hòa Panasonic	1		12.000		1				
36	Máy điều hòa Retech	1		11.550		1				
37	Máy điều hòa Toshiba	1		12.000		1				
38	Máy điều hòa Toshiba	1		12.000		1				
39	Máy Firewall fortinet FG-60C	1		43.980		1				
40	Máy in olivetti PR2E plus	1		13.500		1				
41	Máy lạnh 1.5 HP Reetech RT12	1		12.930		1				
42	Máy lạnh 1.5 HP Reetech RT12	1		12.930		1				
43	Máy laptop(DA AT- BA Phùng)	1		14.410		1				
44	Máy scan	1		12.500	2.500	1				
45	Máy scan HP	1		11.350		1				
46	Máy scan HP	1		11.500		1				
47	Máy scan Kodak	1		32.190		1				
48	Máy scan phòng 1 cửa(Vy)	1		20.900		1				
49	Máy tính để bàn intel core IS(ADBBS Chúng	1		18.570		1				
50	Máy tính để bàn	1		18.225	14.580	1				
51	Máy tính để bàn DG41RQSB13333(ADB) (Hạnh NVD)	1		10.780		1				

Stt	Danh mục tài sản	Số lượng	Diện tích	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Hiện trạng sử dụng				Ghi chú
						Đang sử dụng đúng mục đích	Đang sử dụng không đúng mục đích	Bỏ trống/ không sử dụng	Hỏng, không sử dụng được	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
52	Máy tính để bàn DG41RQSB13333(ADB)(Nam)	1		10.780		1				
53	Máy tính để bàn H61 GA-H61M-DS2(ADB)(Phượng)	1		16.750		1				
54	Máy tính để bàn(CGP)	1		20.370		1				
55	Máy tính xách tay	1		12.500	5.000	1				
56	Máy tính xách tay	1		12.500	5.000	1				
57	Máy tính xách tay	1		12.500	5.000	1				
58	Máy tính xách tay	1		12.500	5.000	1				
59	Máy tính xách tay	1		12.500	5.000	1				
60	Máy tính xách tay	1		12.500	5.000	1				
61	Máy tính xách tay	1		12.500	5.000	1				
62	Máy tính xách tay	1		12.500	5.000	1				
63	Máy tính xách tay	1		12.500	5.000	1				
64	Máy tính xách tay	1		12.500	5.000	1				
65	Máy tính xách tay Sony SVT11-215sg(ADB)(Nam)	1		32.000		1				
66	Máy tính xách tay macbookair MD 232ZP/A(ADB)(Nam)	1		36.250		1				
67	Máy vi tính ASUS	1		12.570		1				
68	Máy vi tính ASUS	1		12.570		1				
69	Máy vi tính CASEP	1		14.200		1				
70	Máy vi tính để bàn phòng 1 cửa(Loan)	1		10.896		1				
71	Máy vi tính FPT	1		13.830	8.298	1				
72	Máy vi tính FPT	1		13.830	8.298	1				
73	Máy vi tính FPT	1		13.830	8.298	1				
74	Máy vi tính FPT	1		13.830	8.298	1				

Stt	Danh mục tài sản	Số lượng	Diện tích	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Hiện trạng sử dụng				Ghi chú
						Đang sử dụng đúng mục đích	Đang sử dụng không đúng mục đích	Bỏ trống/ không sử dụng	Hỏng, không sử dụng được	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
75	Máy vi tính FPT	1		17.743		1				
76	Máy vi tính FPT (Mật)	1		13.830	8.298	1				
77	Máy vi tính Philip (Dự án NCNL)	1		20.370		1				
78	Máy vi tính View Sonic (ROBO PRO)	1		10.593		1				
79	Máy vi tính VTB	1		13.320		1				
80	Máy vi tính VTB	1		10.350		1				
81	Máy vi tính VTB	1		10.350		1				
82	Máy vi tính VTB	1		12.200		1				
83	Máy vi tính VTB	1		10.350		1				
84	Máy vi tính VTB	1		10.350		1				
85	Máy vi tính VTB	1		10.350		1				
86	Máy vi tính xách tay	1		13.750	5.500	1				
87	Máy vi tính xách tay	1		13.750	5.500	1				
88	Máy vi tính xách tay	1		14.000		1				
89	Máy vi tính xử lý hồ sơ(CPU+ màn hình ti vi)	1		25.400		1				
90	MAYANH SONY ZV E10 ĐỘI LN 178	1		19.550	3.910	1				
91	Quầy Một cửa	1		54.975	27.487	1				
92	Thiết bị tường lửa	1		82.620	66.096	1				
93	Ti vi LG	1		24.970		1				
94	Tivi Panasonic 42"	1		10.014		1				
95	Truyền hình trực tuyến	1		129.650		1				
96	UPS online hyundai HD	1		22.810	7.984	1				
4.3	Máy móc, thiết bị chuyên dùng	5		387.992	49.225	5				
1	Bộ định tuyến -Giao tiếp Quang	1		114.752		1				

Stt	Danh mục tài sản	Số lượng	Diện tích	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Hiện trạng sử dụng				Ghi chú
						Đang sử dụng đúng mục đích	Đang sử dụng không đúng mục đích	Bỏ trống/ không sử dụng	Hỏng, không sử dụng được	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
2	Máy quét mã vạch 1 cửa	1		15.538		1				
3	Router(ADB)	1		11.578		1				
4	Thiết bị Hội nghị truyền hình Poly Studio X50 và màn hình poly TC8	1		210.375	42.075	1				
5	Tivi LG 65 inch	1		35.750	7.150	1				
<b>5</b>	<b>Cây lâu năm, súc vật làm việc và/hoặc cho sản phẩm</b>									
<b>6</b>	<b>Tài sản cố định đặc thù</b>									
<b>7</b>	<b>Tài sản cố định hữu hình khác</b>	<b>1</b>		<b>24.356</b>		<b>1</b>				
1	Kios tra cứu thủ tục hành chính	1		24.356		1				
<b>8</b>	<b>Tài sản cố định vô hình (ngoài giá trị quyền sử dụng đất)</b>	<b>9</b>		<b>246.400</b>	<b>1.767</b>	<b>9</b>				
1	Phần mềm kê toán	1		10.500	1.767	1				
2	Phần mềm kế toán HCSN	1		12.000		1				
3	Phần mềm kê toán TS	1		20.000		1				
4	Phần mềm QLTS	1		10.900		1				
5	Phần mềm quản lý cấp giấy xác nhận cho người khuyết tật	1		52.500		1				
6	Phần mềm quản lý đối tượng BTXH	1		88.500		1				
7	Phần mềm Quản lý tài chính	1		12.000		1				
8	Phần mềm Quản lý tài chính tổng hợp ngành	1		20.000		1				

Stt	Danh mục tài sản	Số lượng	Diện tích	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Hiện trạng sử dụng				Ghi chú
						Đang sử dụng đúng mục đích	Đang sử dụng không đúng mục đích	Bỏ trống/ không sử dụng	Hỏng, không sử dụng được	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
9	Phần mềm Quản lý tài sản	1		20.000		1				
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>184</b>	<b>5.295</b>	<b>29.387.966</b>	<b>20.404.912</b>	<b>5.472</b>				

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

**Người lập báo cáo**  
(Ký, họ tên)

**Thủ trưởng đơn vị**  
(Ký, họ tên và đóng dấu)